**TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU**

**TỔ GDCD**

**BÀI GIẢNG OFFLINE MÔN GDCD KHỐI 10**

**từ ngày 01/11/2021 – 06/11/2021**

**\*\*\*\*\***

**BÀI 5: CÁCH THỨC VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SỰ VẬT VÀ**

**HIỆN TƯỢNG**

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC: Học xong bài này học sinh sẽ có được:**

**1. Về kiến thức:**

- Nêu được khái niệm chất và lượng của sự vật, hiện tượng.

- Biết được mối quan hệ biện chứng giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất của sự vật, hiện tượng.

**2.Về kĩ năng:**

Chỉ ra được sự khác nhau giữa chất và lượng, sự biến đổi của lượng và chất.

**3.Về thái độ:**

- Có ý thức kiên trì trong học tập và rèn luyện, không coi thường việc nhỏ, tránh các biểu hiện nôn nóng trong cuộc sống.

**II. CÁC NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH**

- Năng lực quan sát, năng lực nhận thức, năng lực tư duy, năng lực xem xét sự vật và hiện tượng. Năng lực tư duy phê phán.

1. **NHIỆM VỤ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH:**

* **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu:***
* Học sinh nghiên cứu SGK GDCD 10, bài “Cách thức vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng” từ trang 29 đến trang 33 (nếu có sách giáo khoa), học sinh không có sách giáo khoa có thể tham khảo nội dung kiến thức trọng tâm đính kèm.
* HS trả lời các câu hỏi:

1. Khái niệm Chất? Ví dụ?
2. Khái niệm Lượng? Ví dụ?
3. Quan hệ giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất.

* **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học:***
* Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học
* Hoàn thành bài tập củng cố.
* Gửi lại thông tin phản hồi nếu gặp khó khăn trong quá trình tự học.

1. **NỘI DUNG BÀI HỌC - KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

***(học sinh ghi bài vào vở)***

1. Chất.

- Khái niệm chất dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản, vốn có của sự vật và hiện tượng đó, tiêu

biểu cho sự vật và hiện tượng đó phân biệt nó với sự vật và hiện tượng khác.

Ví dụ: Thuộc tính của đường là ngọt. Thuộc tính của muối là mặn

2. Lượng:

- Lượng là khái niệm dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản vốn có của sự vật và hiện tượng biểu thị trình độ phát triển ( cao, thấp), quy mô ( lớn , nhỏ) tốc độ vận động (nhanh, châm), số lượng (ít, nhiều).. của sự vật và hiện tượng

- Vd: Sĩ số lớp 10A1 là 45 hs..

3.Quan hệ giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất.

a. Sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất.

- Sự biến đổi của chất bao giờ cũng bắt đầu từ sự biến đổi về lượng. Lượng biến đổi diễn ra 1 cách dần dần.

- Giới hạn mà trong đó sự biến đổi về lượng chưa làm thay đổi về chất cơ bản của sự vật và hiện tượng được gọi là độ.

- Khi sự biến đổi (tích lũy) của lượng đến 1 giới hạn nhất định sự thống nhất giữa chất và lượng bị phá vỡ sự vật hiện tượng cũ sẽ bị thay thế bằng sự vật hiện tượng mới.

- Điểm giới hạn mà tại đó sự biến đổi của lượng làm thay đổi chất của sự vật và hiện tượng được gọi là **điểm nút**.

b.Chất mới ra đời lại bao hàm 1lượng mới tương ứng.

- Mỗi sự vật hiện tượng đều có chất đặc trưng phù hợp với nó.

Ví dụ: Lượng của cơn áp thấp nhiệt đới khi đã chuyển thành bão có thay đổi, tốc độ gió mạnh từ cấp 7 đến trên cấp 12, sức gió của nó từ 45km/h trở lên, kèm theo mưa rất to.

- Lượng biến đổi đến một giới hạn nhất định sẽ làm cho chất biến đổi, khi chất mới ra đời lại quy định một lượng mới tương ứng với nó. Do đó, chất và lượng của sự vật và hiện tượng luôn thống nhất không tách rời.

- Sự biến đổi không ngừng của sv và ht đã dẫn đến sự biến đổi của chúng, khi chất mới ra đời lại bao hàm 1lượng mới tương ứng với nó và tạo cho sv, ht mới một lượng khác trước, lượng mới dần dần biến đổi trong sv, ht mới để tạo ra sự biến đổi về chất và ngược lại...cứ như thế các sự vật, hiện tượng trong thế giới không ngừng vận động và phát triển. Đó chính là cách thức vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng.

\* Ý nghĩa:

-Để tạo ra sự biến đổi về chất, nhất thiết phải tạo ra sự biến đổi về lượng đến 1 giới hạn nhất định.

-Trong học tập và rèn luyện chúng ta phải kiên trì, nhẫn nại, không nên có tư tưởng coi thường việc nhỏ, tránh sự nôn nóng...

**V. BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**Câu 1.**Trong Triết học, khái niệm chất dùng để chỉ:

A. Những thuộc tính bản chất nhất của sự vật và hiện tượng

B. Những thuộc tính cơ bản, vốn có của sự vật và hiện tượng, phân biệt nó với các sự vật và hiện tượng khác.

C. Những thành phần cơ bản để cấu thành sự vật, hiện tượng

D. Những yếu tố, thuộc tính, đặc điểm căn bản của sự vật, hiện tượng

**Câu 2.**Để phân biệt sự vật, hiện tượng này với các sự vật và hiện tượng khác, cần căn cứ vào yếu tố nào dưới đây?

A. Lượng      B. Chất

C. Độ      D. Điểm nút

**Câu 3.**Những thuộc tính cơ bản, vốn có của sự vật và hiện tượng, tiêu biểu cho sự vật và hiện tượng đó, phân biệt nó với các sự vật và hiện tượng khác là khái niệm

A. Lượng      B. Hợp chất

C. Chất      D. Độ

**Câu 4.**Trong Triết học, độ của sự vật và hiện tượng là giới hạn mà trong đó

A. Chưa có sự biến đổi nào xảy ra

B. Sự biến đổi về lượng làm thay đổi về chất của sự vật

C. Sự biến đổi về lượng chưa làm thay đổi về chất.

D. Sự biến đổi của chất diễn ra nhanh chóng

**Câu 5.**Trong cách thức vận động, phát triển, mỗi sự vật và hiện tượng đều có hai mặt thống nhất với nhau, đó là

A. Độ và điểm nút

B. Điểm nút và bước nhảy

C. Chất và lượng

D. Bản chất và hiện tượng.

**Câu 6.**Sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất khác nhau ntn?

A. Chất biến đổi trước, hình thành lượng mới tương ứng

B. Lượng biến đổi nhanh, chất biến đổi chậm

C. Lượng biến đổi trước và chậm, chất biến đổi sau và nhanh

D. Chất và lượng cùng biến đổi nhanh chóng.

**Câu 7.**Điểm giới hạn mà tại đó sự biến đổi của lượng làm thay đổi chất của sự vật và hiện tượng được gọi là

A. Độ      B. Lượng

C. Bước nhảy      D. Điểm nút.

**Câu 8.**Trong Triết học, điểm nút là điểm giới hạn mà tại đó

A. Các sự vật thay đổi

B. Sự vật và hiện tượng thay đổi về chất

C. Lượng mới ra đời

D. Sự vật mới hình thành, phát triển.

**Câu 9.**Khi sự biến đổi về lượng đạt đến một giới hạn nhất định, phá vỡ sự thống nhất giữa chất và lượng thì

A. Sự vật thay đổi

B. Lượng mới hình thành

C. Chất mới ra đời

D. Sự vật phát triển

**Câu 10.**Điều kiện để chất mới ra đời là gì?

A. Tăng lượng liên tục

B. Lượng biến đổi trong giới hạn cho phép

C. Lượng biến đổi đạt tới điểm nút

D. Lượng biến đổi nhanh chóng

1. **BÀI LÀM**

**Trường:**

**Lớp:**

**Họ tên học sinh:**

1. **ĐÁP ÁN BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-** | **2-** | **3-** | **4-** | **5-** | **6-** | **7-** | **8-** | **9-** | **10-** |